TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2022/HNGĐ-ST
Ngày 05 – 5 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển

Ông Châu Trung Trực

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Châu Thị Diễm H; Sinh năm 1990; Cư trú tại: Khóm 1, phường T Th, thành phố C M, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Sách (Nguyễn Lê Khánh); Sinh năm 1978; Cư trú tại: Ấp Hiệp Hòa, xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án chị Châu Thị Diễm H và anh Nguyễn Văn S thống nhất trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Châu Thị Diễm H và anh Nguyễn Văn S chung sống nhau vào năm 2011, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không thể hàn gắn được. Vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay. Hiện tại tình cảm không còn, mối quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục nên chị H yêu cầu được ly hôn, anh S đồng ý.

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 18/9/2013. Chị H và anh S thống nhất giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, cấp dưỡng không

yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Châu Thị Diễm H và anh Nguyễn Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh S chung sống vào năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bất đồng đồng quan điểm sống. Thời gian vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 đến nay nhưng vẫn không hàn gắn đoàn tụ được.

Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng..."*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn hay anh, chị đồng ý ly hôn với nhau không mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp.

[3] Về con chung: Khi ly hôn, cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Xét về thoả thuận giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, thấy rằng đây là sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự, phù hợp với nguyện vọng của cháu Bảo N và các quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Chị H không yêu cầu vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị H và anh S xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Châu Thị Diễm H và anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 18/9/2013 cho chị Châu Thị Diễm H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn S không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Châu Thị Diễm H phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012249 ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D (đã nộp xong).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc